

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2025
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Di và ông Phạm Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N (vắng và có đơn xin xét xử vắng mặt), sinh năm 1980. Hộ khẩu thường trú: 39/137 khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: 519/18/37 Võ Thị S, tổ C, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H (vắng mặt không có lý do), sinh năm 1968. Hộ khẩu thường trú: 39/137 khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: 519/18/37 Võ Thị S, tổ C, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không hòa giải được tại tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình, quan điểm sống không còn hòa hợp như trước. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng mặc ai nấy sống, vì vậy bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà N và ông H có 2 con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 2005 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ý kiến của bị đơn: Trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N; Về con chung: Bà N và ông H có 2 con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 2005 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xét đến; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết và ông H không có ý kiến nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông H là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không hàn gắn được, mặc ai nấy sống. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà N và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Bà N xác nhận có 2 con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 2005 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết và ông H không có ý kiến nên không xét đến.

[6] Về án phí: Bà N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 51; 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 02320 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Đất. Nên bà N đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND KV13;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- UBND phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Na
(cũ là phường Trung Dũng, Tp.Biên Hòa)
(Giấy kết hôn số 124 ngày 22/8/2000);
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đỗ Hữu Trí